

DOI: 10.62829/VNHN.376.67.72

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THEO MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI

✍️ ThS Lâm Văn Thuyết

● **TÓM TẮT:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức và các mô hình quản trị công hiện đại đang định hình lại cấu trúc phát triển quốc gia, yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam là không chỉ đổi mới mô hình tăng trưởng mà đồng thời phải cải cách mạnh mẽ hệ thống pháp luật. Pháp luật trở thành “hạ tầng thể chế” then chốt, tạo môi trường an toàn, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm phát triển bền vững... Hoàn thiện pháp luật theo mô hình phát triển mới có nghĩa là hệ thống pháp luật phải đi trước, mở đường, thích ứng nhanh với các biến động và tạo khuôn khổ thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và Nhà nước. Bài viết này nhằm phân tích nội dung nêu trên, đồng thời nêu lên định hướng và giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả quá trình đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo mô hình phát triển mới.

● **Từ khóa:** Đổi mới, hoàn thiện; hệ thống pháp luật; mô hình phát triển mới; đi trước, mở đường;

● **ABSTRACT:** In the context of globalization, digital transformation, the green economy, the knowledge-based economy, and modern public governance models that are reshaping national development structures, Viet Nam is required not only to innovate its growth model but also to undertake profound reforms of its legal system. Law has become a key “institutional infrastructure,” creating a safe and transparent environment, fostering innovation, and ensuring sustainable development. Improving the legal system in accordance with a new development model means that the legal system must move ahead of reality, pave the way, adapt swiftly to changes, and create a favorable framework for citizens, enterprises, and the State. This article analyzes the above issues and proposes orientations and solutions to effectively implement the process of innovating and improving the legal system in line with a new development model.

● **Keywords:** Innovation and improvement; legal system; new development model; moving ahead and paving the way.

Ngày nhận bài: 16/10/2025 Ngày bình duyệt: 05/12/2025 Ngày duyệt đăng: 10/12/2025

Hoàn thiện hệ thống pháp luật là yêu cầu cấp thiết cho mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tinh thần ấy cũng được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết 27 ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết 66 ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Những văn kiện này đã định hình tầm nhìn mới về hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật để chuyển đổi từ mô hình quản lý, kiểm soát sang mô hình kiến tạo phát triển, từ việc hợp pháp hóa thực tiễn sang dẫn dắt, định hướng và thúc đẩy sự phát triển bền vững, bao trùm.

Trước yêu cầu thực hiện mô hình phát triển mới để đất nước vươn mình phát triển bứt phá từ nay tới năm 2045, thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, thực hiện 4 Nghị quyết “trụ cột” của Bộ Chính trị, thì việc nghiên cứu, vấn đề “Đổi mới, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam theo mô hình phát triển mới” là rất cấp thiết.

TỔNG QUAN VỀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI

Khái quát chung mô hình phát triển mới:

Mô hình phát triển mới của Việt Nam là cách thức tổ chức nền kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, bền vững, đổi mới sáng tạo, nhằm đưa đất nước phát triển nhanh, dựa vào năng suất, khoa học - công nghệ, và chất lượng nguồn nhân lực, thay cho mô hình tăng trưởng truyền thống dựa nhiều vào tài nguyên, lao động giá rẻ và vốn đầu tư.

Những nội dung cốt lõi của mô hình phát triển mới bao gồm:

1. Phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo: Lấy khoa học - công

nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực tăng trưởng chủ yếu; Đẩy mạnh kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu - phát triển (R&D).

2. Kinh tế xanh - tuần hoàn - phát thải thấp: Chuyển hướng sang mô hình xanh hóa sản xuất và tiêu dùng; Phát triển năng lượng tái tạo, công nghệ tiết kiệm năng lượng; Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn: tái sử dụng, tái chế, giảm chất thải; Định hướng trung hoà carbon vào giữa thế kỷ (theo cam kết net-zero).

3. Phát triển bền vững dựa trên năng suất và chất lượng: Tăng trưởng dựa vào năng suất lao động, thay vì gia tăng số lượng nguồn lực; Nâng cao chất lượng lao động thông qua giáo dục - đào tạo, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho công nghệ cao, công nghiệp 4.0.

4. Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, hiện đại: Hoàn thiện thể chế, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; Phát triển đồng bộ thị trường vốn, lao động, khoa học công nghệ, đất đai; Thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng; Sắp xếp, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

5. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế: Cơ cấu lại ba lĩnh vực: đầu tư - tài chính, doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng; Tái cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; Phát triển ngành mũi nhọn: bán dẫn, công nghệ thông tin, logistics, năng lượng tái tạo, công nghiệp sáng tạo.

6. Phát triển hài hoà kinh tế với con người và xã hội: Lấy con người làm trung tâm và mục tiêu của phát triển; Đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; Thúc đẩy phát triển vùng, thu hẹp chênh lệch phát triển.

7. Mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng: Chủ động tham gia các FTA thế hệ mới; Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn

lọc, ưu tiên công nghệ cao; Đẩy mạnh xuất khẩu thông minh, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Mô hình phát triển mới có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nền tảng giúp Việt Nam bứt phá, tránh bẫy thu nhập trung bình; Tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế; Bảo đảm phát triển hài hoà giữa kinh tế - xã hội - môi trường; Nâng cao chất lượng cuộc sống và vị thế quốc tế của Việt Nam.

YÊU CẦU CỦA MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI

1. *Chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: Nền kinh tế Việt Nam đang hướng đến mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất, chất lượng, hiệu quả, thay vì dựa vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ. Điều này đòi hỏi pháp luật phải: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Tạo hành lang pháp lý cho các ngành kinh tế mới (AI, fintech, kinh tế dữ liệu, kinh tế số...); Linh hoạt để thử nghiệm các mô hình kinh doanh chưa có tiền lệ.

2. *Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số*: Cần xây dựng khung pháp lý cho dữ liệu, an ninh mạng, định danh số, giao dịch điện tử; Điều chỉnh các quan hệ pháp lý trong không gian mạng; Ủng hộ việc ứng dụng công nghệ trong cung ứng dịch vụ công và quản trị nhà nước.

3. *Phát triển bền vững và chiến lược tăng trưởng xanh*: Pháp luật phải yêu cầu các nội dung gồm: Bảo vệ môi trường, giảm phát thải, quản lý tài nguyên bền vững; Hướng tới nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế carbon thấp; Tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội.

4. *Yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng*: Việt Nam tham gia ngày càng nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đòi hỏi: Hệ thống pháp luật minh bạch, ổn định, tương thích chuẩn mực quốc tế; Nâng cao khả năng thực thi và giải quyết tranh chấp; Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh.

THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI, HOÀN THIÊN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN NAY

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật là yêu cầu tất yếu đối với Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy pháp luật nước ta vẫn còn những bất cập, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ và hiệu quả.

**Những kết quả tích cực*: Trong nhiều năm qua, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt, như: Khuôn khổ pháp luật ngày càng đầy đủ, đồng bộ, bao phủ hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; Tính hiến định, hợp pháp và tính thống nhất giữa các văn bản được tăng cường, nhất là sau Hiến pháp 2013; Công tác xây dựng pháp luật được chú trọng, nhiều luật quan trọng ra đời như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai sửa đổi, Luật An ninh mạng, Luật Phòng chống tham nhũng (sửa đổi)...; Cải cách thủ tục hành chính đạt nhiều kết quả tích cực, hỗ trợ môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh quốc gia; Hội nhập pháp lý quốc tế được thúc đẩy mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu tham gia các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA...). Những kết quả trên góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

**Một số hạn chế, bất cập*: Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn tồn tại một số vấn đề, bao gồm: Tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật; Chất lượng xây dựng pháp luật chưa đồng đều; Ưu đãi, thủ tục hành chính còn rườm rà; Công tác thi hành pháp luật còn yếu; Ứng dụng công nghệ trong pháp luật còn hạn chế.

Sở dĩ còn những hạn chế như vậy là do một số nguyên nhân sau: Hệ thống pháp luật phát triển nhanh, nhưng công tác tổ chức thi hành còn chậm; Bên cạnh đó, năng lực xây dựng pháp luật của một số cơ quan, cán bộ

còn hạn chế; Còn thiếu cơ chế phối hợp liên ngành trong soạn thảo và thẩm định; Trong khi tác động của chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh nhưng pháp luật chưa theo kịp; Còn có lợi ích cục bộ trong một số hoạt động xây dựng chính sách.

**Giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật:*

1. Tăng cường chất lượng xây dựng pháp luật, đặc biệt trong công tác đánh giá tác động chính sách.

2. Rà soát, hệ thống hóa và cắt giảm các văn bản chồng chéo, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, môi trường.

3. Đẩy nhanh ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, tránh tình trạng luật “không thể thực hiện được”.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác pháp chế ở các bộ, ngành và địa phương.

5. Thúc đẩy chuyển đổi số trong pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu pháp lý quốc gia thống nhất.

6. Tăng cường giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội, chuyên gia, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng luật.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân.

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Trong giai đoạn phát triển mới, Việt Nam cần tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật hiện đại, minh bạch, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Chỉ khi pháp luật được hoàn thiện và thực thi nghiêm minh thì mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới thực sự đi vào cuộc sống.

ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT THEO MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI

Mặc dù đã có bước tiến lớn, pháp luật

Việt Nam vẫn còn một số hạn chế, như: Chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính đồng bộ giữa các luật; Chậm phản ứng với những vấn đề mới, thiếu cơ chế thử nghiệm thể chế; Công tác tổ chức thi hành pháp luật còn hạn chế, kỷ luật pháp lý chưa nghiêm; Quy trình xây dựng luật vẫn nặng tính hành chính, chưa lấy bằng chứng và đánh giá tác động (RIA) làm nền tảng; Năng lực của bộ máy công vụ và ứng dụng công nghệ trong thực thi pháp luật còn yếu. Những hạn chế này là rào cản cho quá trình đổi mới mô hình phát triển. Vì vậy, rất cần xác định một định hướng và giải pháp hoàn thiện để hệ thống pháp luật theo mô hình phát triển mới.

** Định hướng đổi mới*

1. *Xây dựng pháp luật có tư duy chiến lược và tầm nhìn dài hạn:* Đặt pháp luật vào tổng thể chiến lược phát triển quốc gia: phát triển bền vững, chuyển đổi số, kinh tế xanh. Dự báo xu thế công nghệ và kinh tế để xây dựng khung pháp lý “đi trước một bước”.

2. *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập:* Xóa bỏ rào cản kinh doanh không cần thiết; đơn giản hóa thủ tục hành chính. Phát triển đầy đủ các thị trường: vốn, lao động, khoa học công nghệ, dữ liệu, bất động sản... Bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, ngăn ngừa độc quyền, lợi ích nhóm.

3. *Hoàn thiện pháp luật cho chuyển đổi số và kinh tế số:* Luật hóa các vấn đề: dữ liệu mở, dữ liệu cá nhân, AI, blockchain, giao dịch điện tử, định danh số. Thiết lập cơ chế sandbox cho fintech, GovTech, các mô hình kinh doanh mới. Pháp điển hóa các quy định về kinh tế nền tảng, bảo vệ người tiêu dùng trong môi trường số.

4. *Phát triển pháp luật về kinh tế xanh và bền vững:* Hoàn thiện pháp luật về phát triển năng lượng tái tạo, thị trường carbon, tín chỉ carbon. Quy định rõ trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp (ESG). Khuyến khích đầu tư xanh, đổi mới công nghệ sạch.

5. *Nâng cao chất lượng quy trình xây dựng và ban hành pháp luật:* Đẩy mạnh

pháp điển hóa, số hóa hệ thống pháp luật, tăng khả năng tiếp cận. Cải tiến quy trình soạn thảo: dựa trên bằng chứng, phân tích tác động, tham vấn công khai. Thúc đẩy sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp, người dân.

6. *Tăng cường thực thi pháp luật và kỷ cương pháp lý*: Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành pháp luật. Ứng dụng công nghệ vào quản lý nhà nước: số hóa hồ sơ pháp lý, xử lý vi phạm bằng nền tảng số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực thi, đạo đức công vụ, trách nhiệm giải trình.

** Giải pháp hoàn thiện*

1. *Xây dựng chiến lược cải cách pháp luật gắn với chiến lược phát triển quốc gia đến 2030 - 2045.*

2. *Rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật, xử lý mâu thuẫn, chồng chéo; thể chế hóa Nghị quyết của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng.*

3. *Ban hành các đạo luật nền tảng cho kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu và không gian mạng.*

4. *Tăng cường phân quyền, phân cấp, đi đôi với kiểm soát quyền lực hiệu quả.*

5. *Tạo cơ chế thử nghiệm pháp lý để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.*

6. *Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lập pháp và quản lý nhà nước (Legitech, GovTech).*

7. *Phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, hội nhập quốc tế.*

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo mô hình phát triển mới là yêu cầu tất yếu để Việt Nam bứt phá trong bối cảnh mới. Một hệ thống pháp luật hiện đại, minh bạch, đồng bộ và thích ứng nhanh sẽ trở thành động lực mạnh mẽ, đảm bảo cho đất nước phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập sâu rộng. Đây không chỉ là nhiệm vụ của bộ máy nhà nước, mà còn cần sự đồng hành của doanh nghiệp, giới chuyên gia và

toàn xã hội trong việc xây dựng “kiến trúc thể chế” mới cho tương lai Việt Nam.

NỘI DUNG ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN

Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đề ra nhiều định hướng cải cách sâu sắc, trong đó nổi bật là tư duy đổi mới toàn diện về cách xây dựng và thực thi pháp luật. Nội dung cụ thể là:

1. **Đổi mới tư duy lập pháp**: Chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo. Pháp luật không còn chỉ là công cụ điều chỉnh hành vi, mà phải trở thành động lực phát triển. Do đó, mỗi đạo luật cần được nhìn nhận như một cấu phần của chiến lược phát triển quốc gia, thay vì chỉ để giải quyết các vấn đề trước mắt hay mang tính đối phó.

2. **Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật và tăng cường hậu kiểm** cũng là nội dung được nhấn mạnh trong Nghị quyết. Văn hóa tuân thủ không thể hình thành nếu luật pháp chưa chuẩn, còn chồng chéo, thiếu minh bạch. Do đó, Nghị quyết yêu cầu phải thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, lấy kết quả thực thi làm thước đo chất lượng luật pháp.

3. **Lần đầu tiên, một nghị quyết Trung ương xác định rõ nguồn lực pháp luật** là lĩnh vực cần đầu tư có trọng tâm, không thể làm theo lối cầm chừng. Nguồn lực ở đây bao gồm: nhân lực (đội ngũ làm pháp luật chuyên nghiệp, am hiểu cả chính sách và kỹ thuật lập pháp); tài lực (ngân sách cho đánh giá tác động, phản biện, hậu kiểm); công nghệ (ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong xây dựng và thực thi pháp luật); và thể chế tổ chức (kiện toàn các bộ phận pháp chế, thiết lập các trung tâm tư vấn...).

4. Một điểm mới nữa là việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật. Đây là một thiết chế điều phối liên ngành mạnh mẽ, có thể rút ngắn đáng kể độ trễ thể chế, nâng cao trách nhiệm và bảo đảm tính đồng bộ giữa lập pháp, hành pháp và giám sát.

5. Nghị quyết 66 đặt ra mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái pháp luật lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Theo đó, Pháp luật phải trở nên dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ tuân thủ; ngôn ngữ luật cần đơn giản hơn, thủ tục pháp lý cần được số hóa mạnh mẽ và các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cần phổ cập rộng rãi...

Để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước đến các mốc chiến lược năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam cần đặc biệt coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện một hệ thống thể chế, pháp luật hiện đại, đồng bộ và chuẩn mực. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính kỹ thuật lập pháp, mà còn là nền tảng cốt lõi để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc trong toàn xã hội. Một hệ thống pháp luật tốt sẽ tạo dựng niềm tin, khuyến khích sáng tạo, giải phóng năng lực sản xuất và khơi thông mọi nguồn lực trong xã hội, từ Nhà nước, doanh nghiệp đến từng người dân, qua đó biến thể chế và pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng của quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Muốn đạt được mục tiêu đó, hệ thống pháp luật cần được thiết kế một cách khoa học, hợp lý cả về nội dung lẫn cấu trúc. Trước hết, pháp luật phải bảo đảm tính ổn định tương đối, nhất quán và minh bạch, nhằm tạo ra môi trường pháp lý có độ tin cậy cao, giúp người dân và doanh nghiệp có thể dự báo được các rủi ro pháp lý, yên tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh và hoạch định các kế hoạch phát triển dài hạn. Tính ổn định này không đồng nghĩa với sự cứng nhắc hay

bảo thủ, mà phải gắn liền với khả năng thích ứng trước những biến động nhanh chóng của thực tiễn kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và các xu thế phát triển toàn cầu.

Bên cạnh đó, pháp luật cần có “độ mở” và sự linh hoạt cần thiết, cho phép thử nghiệm những mô hình, cơ chế mới, nhất là trong các lĩnh vực mới nổi như kinh tế số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và khoa học - công nghệ. Việc tiên liệu được tương lai ngay từ khâu xây dựng chính sách và pháp luật sẽ giúp giảm thiểu tình trạng sửa đổi, bổ sung dàn trải, manh mún, đồng thời nâng cao khả năng tuân thủ và hiệu quả thực thi pháp luật trong thực tế. Pháp luật chỉ thực sự phát huy vai trò khi các quy định được xây dựng theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ thực hiện và phù hợp với năng lực thực thi của bộ máy nhà nước cũng như của xã hội.

Quan trọng hơn, hệ thống thể chế, pháp luật phải trở thành động lực thúc đẩy phát triển, chứ không phải là rào cản. Điều này đòi hỏi quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải luôn đặt con người, doanh nghiệp và lợi ích quốc gia - dân tộc vào vị trí trung tâm; bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước với quyền tự do kinh doanh, quyền sáng tạo và quyền làm chủ của Nhân dân. Khi pháp luật thực sự đồng hành cùng phát triển, trở thành công cụ bảo đảm công bằng, khuyến khích đổi mới và bảo vệ các giá trị tiên bộ, thì thể chế và pháp luật sẽ không chỉ là “khung khổ” quản lý, mà còn là sức mạnh nội sinh, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và vươn lên mạnh mẽ trên trường quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Nghị quyết 66-NQ/TW (ngày 30/4/2025) về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”.*
2. *Văn bản liên quan thực thi Nghị quyết 66 - Nghị quyết 140/NQCP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 66.*

3. *Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các bộ luật / luật nền tảng + hệ thống văn bản dưới luật - làm nền tảng cho việc so sánh, đánh giá cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc tái cấu trúc.*
4. *Bài: “Làm rõ căn cứ lý luận, nền tảng cho việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật” - (baochinhphu.vn+1)*